ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN KHÁNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1835/QĐ-UBND	*Tân Khánh, ngày 02 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Nâng cấp BTNN các tuyến đường Tân Phước Khánh 16, 39, 41, 43, 50, 54 và đoạn đường nhánh giáp nhà ông Phạm Văn Trỗng đến đường Tân Phước Khánh 07, phường Tân Khánh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN KHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sử đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 củaChính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3321/QĐ-UBND ngày 20/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của Ủy ban Nhân dân phường Tân Khánh phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp BTNN các tuyến đường Tân Phước Khánh 16, 39, 41, 43, 50, 54 và đoạn đường nhánh giáp nhà ông Phạm Văn Trỗng đến đường Tân Phước Khánh 07, phường Tân Khánh

Căn cứ văn bản số 442/KT,HT&ĐT-TĐ ngày 01/6/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Tân Khánh;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại tờ trình số 1198./TTr- KT,HT&ĐT ngày 01/6/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đề nghị Phê duyệt Dự án: Nâng cấp BTNN các tuyến đường Tân Phước Khánh 16, 39, 41, 43, 50, 54 và đoạn đường nhánh giáp nhà ông Phạm Văn Trỗng đến đường Tân Phước Khánh 07, phường Tân Khánh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án Nâng cấp BTNN các tuyến đường Tân Phước Khánh 16, 39, 41, 43, 50, 54 và đoạn đường nhánh giáp nhà ông Phạm Văn Trỗng đến đường Tân Phước Khánh 07, phường Tân Khánh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp BTNN các tuyến đường Tân Phước Khánh 16, 39, 41, 43, 50, 54 và đoạn đường nhánh giáp nhà ông Phạm Văn Trỗng đến đường Tân Phước Khánh 07, phường Tân Khánh.

2. Mã số dùng cho dự án đầu tư: 8180853.

3. Địa điểm xây dựng: Phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tân Khánh.

5. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân phường Tân Khánh

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:

- Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty TNHH MTV Tư Vấn Xây Dựng Dịch vụ Đại Thành Phát.

- Tổ chức lập khảo sát xây dựng: Công ty TNHH MTV Tư Vấn Xây Dựng Dịch vụ Đại Thành Phát.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình; thời gian sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Loại: Công trình giao thông.
- Nhóm dự án: nhóm C
- Cấp dự án: Cấp IV.
- Thời gian sử dụng: ≥10 năm.

8. Mục tiêu dự án:

Việc đầu tư Nâng cấp BTNN các tuyến đường Tân Phước Khánh 16, 39, 41, 43, 50, 54 và đoạn đường nhánh giáp nhà ông Phạm Văn Trỗng đến đường Tân Phước Khánh 07, phường Tân Khánh là cần thiết nhằm:

Hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa, đảm bảo tiêu thoát nước nhanh, hạn chế ngập úng cục bộ, bảo vệ kết cấu mặt đường và các công trình hạ tầng kỹ thuật liên quan.

Nâng cấp mặt đường bằng bê tông nhựa nóng, cải thiện chất lượng khai thác, tăng khả năng chịu tải và tuổi thọ công trình.

Đảm bảo an toàn giao thông, tạo điều kiện đi lại thuận lợi cho người dân và các phương tiện.

Góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông khu vực, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị của phường Tân Khánh.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Quy mô công trình:

Công trình được thiết kế theo tiêu chuẩn QCVN 07- 4:2023/BXD đường trong đô thị với quy mô và các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu như sau:

* *Đường Tân Phước Khánh 16*	
- Tổng chiều dài tuyến	*946 m*
+ *Chiều dài tuyến chính*	*813 m*
- Bề rộng mặt đường	2,5 ~ 5m
- Bề rộng cống dọc 60xH (giữa đường)	1m
- Bề rộng nền đường	2,5 ~ 5m
- Độ dốc ngang mặt đường	2% (hướng vào tim)
- Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng
+ *Chiều dài tuyến nhánh*	*133 m*
- Bề rộng mặt đường	4,2 ~ 5m
- Bề rộng cống dọc 60xH (giữa đường)	1m
- Bề rộng nền đường	4,2 ~ 5m
- Độ dốc ngang mặt đường	2% (hướng vào tim)
- Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng
* *Đường Tân Phước Khánh 39*	
- Tổng chiều dài tuyến	*400 m*
- Bề rộng mặt đường	7m
- Bề rộng cống dọc 80xH	1,2m
- Bề rộng nền đường	8,2m
- Độ dốc ngang mặt đường	2%
- Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng
* *Đường Tân Phước Khánh 41*	
- Chiều dài tuyến	*296,20 m*

- Bề rộng mặt đường	4m
- Độ dốc ngang mặt đường	2% (hướng vào tim)
- Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng
- Nâng tường hố ga hiện hữu (giữa tuyến)	Cao trung bình 15cm
- Thay mới tấm đan thép cống ngang hiện hữu	4 vị trí
** Đường Tân Phước Khánh 43*	
- Tổng chiều dài tuyến	*459,4 m*
- Bề rộng mặt đường	5m
- Bề rộng cống dọc 60xH	1m x 2 bên
- Bề rộng nền đường	7m
- Độ dốc ngang mặt đường	2%
- Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng
** Đường Tân Phước Khánh 50*	
- Tổng chiều dài tuyến	*429 m*
- Bề rộng mặt đường	4 m
- Bề rộng cống dọc 60xH (giữa đường)	1m
- Bề rộng nền đường	4m
- Độ dốc ngang mặt đường	2% (hướng vào tim)
- Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng
** Đường Tân Phước Khánh 54*	
- Tổng chiều dài tuyến	*1048,3 m*
+ Chiều dài tuyến chính	*767,3 m*
+ Chiều dài tuyến nhánh	*281,0 m*
** Tuyến chính*	
- Bề rộng mặt đường	5 m
- Bề rộng cống dọc 60xH	1mx 2 bên
- Bề rộng nền đường	7m
- Độ dốc ngang mặt đường	2%
- Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng
** Tuyến nhánh*	
** Km0+0.00 đến Km0+146*	
- Bề rộng mặt đường tái lập	2m
- Kết cấu mặt đường tái lập	Bê tông xi măng
- Hệ thống thoát nước	cống dọc D80 cm-H30 (giữa đường)
** Km0+146 đến Km0+281*	
- Hệ thống thoát nước	cống dọc D80 cm-vỉa hè

** Đường nhánh giáp nhà ông Phạm Văn Trống đến đường Tân Phước Khánh 07*

- Tổng chiều dài tuyến *197 m*
- Bề rộng mặt đường 4 m
- Bề rộng cống dọc 60xH (giữa đường) 1m
- Bề rộng nền đường 4m
- Độ dốc ngang mặt đường 2% (hướng vào tim)
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng

9.2. Giải pháp kỹ thuật:

* ĐƯỜNG TÂN PHƯỚC KHÁNH 16

a. Thiết kế bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và mở rộng sang hai bên.

b. Thiết kế trắc dọc

Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo trắc dọc đường hiện hữu và địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh sống dọc tuyến, đồng thời tận dụng lại kết cấu mặt đường hiện hữu. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường.

c. Thiết kế trắc ngang

+ Tuyến chính:

** Km0+0.00 đến Km0+637,10*

- Bề rộng mặt đường 2,50 ~ 4,60 m
- Bề rộng mương thoát nước 1,00 m
- Bề rộng nền đường 2,50 ~ 4,60 m
- Độ dốc ngang mặt đường 2%
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng
- Kết cấu mương thoát nước cống hộp BTCT (Cống 60xH) giữa đường

** Km0+637,10 đến Km0+813.*

- Bề rộng mặt đường 3,80 ~ 5,00 m
- Bề rộng rộng mương thoát nước 1,00 m
- Bề rộng nền đường 3,80 ~ 5,00 m
- Độ dốc ngang mặt đường 2%
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng
- Kết cấu mương thoát nước cống hộp BTCT (Cống 60xH) giữa đường

+ Tuyến nhánh:

** Km0+0.00 đến Km0+133*

- Bề rộng mặt đường 4,20 ~ 5,00 m
- Bề rộng mương thoát nước 1,00 m

- Bề rộng nền đường 4,20 ~ 5,00 m
- Độ dốc ngang mặt đường 2%
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng
- Kết cấu mương thoát nước cống hộp BTCT (Cống 60xH) giữa đường

d. Kết cấu mặt đường

Kết cấu mặt đường hiện hữu

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 1Kg/m².
- Phá bỏ mặt đường BTXM hiện hữu đã xuống cấp, bù phụ cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) đến cao độ thiết kế, lu lèn K ≥ 0,98;

Kết cấu mặt đường mở rộng và đào phui làm cống

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 1Kg/m².
- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) dày 12cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 125 MPa,
- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=37.5mm) dày 13cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 110 MPa,
- Đắp cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=37.5mm) từ đào đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 85 Mpa.

f. Thiết kế hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba, ngã tư, các điểm giao nhau với đường ưu tiên, nơi trẻ em thường xuyên qua lại, các vị trí cơ quan, các vị trí cầu, các đường cong nguy hiểm … và sơn đường bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN " Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ- yêu cầu thiết kế".

g. Thiết kế hệ thống thoát nước

Từ Km0+0.00 đến Km0+813 tuyến chính (giữa đường) Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp BTCT (60xH)cm đậy đan BTCT chịu lực để các phương tiện thô sơ có thể qua lại. Cách khoảng 20m bố trí 1 hố lắng được đậy đan thép để thu nước mặt đường.

Từ Km0+0.00 đến Km0+133 tuyến nhánh (giữa đường) Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp BTCT (60xH)cm đậy đan BTCT chịu lực để các phương tiện thô sơ có thể qua lại. Cách khoảng 20m bố trí 1 hố lắng được đậy đan thép để thu nước mặt đường.

Mương 60xH được làm bằng bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150 dày 10cm. Tấm đan chịu lực và khuôn mương được làm bằng bê tông đá 1x2 M250

Tấm đan được bố trí thép D12mm chịu lực và thép D10mm liên kết.

Tâm đan thép thu nước được mạ kẽm để chống gỉ sét và tăng tính thẩm mỹ

* ĐƯỜNG TÂN PHƯỚC KHÁNH 39

a. Thiết kế bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và được mở rộng đều sang hai bên.

b. Thiết kế trắc dọc

Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo trắc dọc đường hiện hữu và địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh sống dọc tuyến, đồng thời tận dụng lại kết cấu mặt đường hiện hữu. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường.

c. Thiết kế trắc ngang

- Bề rộng mặt đường 7,00 m
- Bề rộng mương thoát nước 1,20 m
- Bề rộng nền đường 7,00 m
- Độ dốc ngang mặt đường 2%
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng
- Kết cấu mương thoát nước mương hộp BTCT (Mương 80xH)

d. Kết cấu mặt đường

Kết cấu mặt đường hiện hữu

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K > 0,98; Eyc > 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 1Kg/m².

- Bù phụ bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) đến cao độ thiết kế, lu lèn K > 0,98; trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 1 Kg/m².

Kết cấu mặt đường mở rộng

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 1Kg/m².

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) dày 20cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 110 MPa,

f. Thiết kế hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba, ngã tư, các điểm giao nhau với đường ưu tiên, nơi trẻ em thường xuyên qua lại, các vị trí cơ quan, các vị trí cầu, các đường cong nguy hiểm … và sơn đường bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN " Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ- yêu cầu thiết kế".

g. Thiết kế hệ thống thoát nước

Từ Km0+0.00 đến Km0+400,00 (phải tuyến) Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp BTCT (80xH)cm để dẫn nước từ thượng lưu về đấu nối với hố ga xây mới tại Km0+257,47.

Mương 80xH được làm bằng bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150 dày 10cm. Tấm đan chịu lực và khuôn cống được làm bằng bê tông đá 1x2 M250.

Toàn bộ đan thép được mạ kẽm để chống gỉ sét và tăng tính thẩm mỹ.

Toàn bộ đan bê tông cốt thép được bố trí thép chịu lực D12mm, và thép đai D10mm.

* ĐƯỜNG TÂN PHƯỚC KHÁNH 41.

a. Thiết kế bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và được mở rộng đều sang hai bên.

b. Thiết kế trắc dọc

Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo trắc dọc đường hiện hữu và địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh sống dọc tuyến, đồng thời tận dụng lại kết cấu mặt đường hiện hữu. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường.

c. Thiết kế trắc ngang

- Bề rộng mặt đường	4,0 m
- Bề rộng cống 60xH hiện hữu giữa tuyến	1m.
- Bề rộng gờ chặn hiện hữu	0,2m x 2 bên.
- Bề rộng nền đường	4,40 m.
- Độ dốc ngang mặt đường	2% (hướng vào tim)
- Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng.

d. Kết cấu mặt đường

Kết cấu mặt đường hiện hữu (phần bù bê tông nhựa)

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn $K \geq 0,98$; $Eyc \geq 135$ MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 0,5Kg/m².

- Bù phụ bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) đến cao độ thiết kế, lu lèn $K \geq 0,98$; trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 0.8 Kg/m².

e. Thiết kế hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba, ngã tư, các điểm giao nhau với đường ưu tiên, nơi trẻ em thường xuyên qua lại, các vị trí cơ quan, các vị trí cầu, các đường cong nguy hiểm … và sơn đường bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ

giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN " Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ- yêu cầu thiết kế".

f. thiết kế hệ thống thoát nước

Nâng tường hố ga và cống ngang hiện hữu cao trung bình 15cm. Khoan tạo lỗ để cấy thép D12mm khoảng cách 25cm/ lỗ. đoạn nâng tường hố ga được đổ bằng bê tông đá 1x2 M200.

Thay mới khuôn hầm và đan thép hố ga hiện hữu kích thước 100x80x10cm. Tại những vị trí cống ngang hiện hữu, thay mới đan thép kích thước 150x80x10cm

Tâm đan thép thu nước được mạ kẽm để chống gỉ sét và tăng tính thẩm mỹ

* ĐƯỜNG TÂN PHƯỚC KHÁNH 43.

a. Thiết kế bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và được mở rộng đều sang hai bên.

b. Thiết kế trắc dọc

Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo trắc dọc đường hiện hữu và địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh sống dọc tuyến, đồng thời tận dụng lại kết cấu mặt đường hiện hữu. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường.

c. Thiết kế trắc ngang

- Bề rộng mặt đường	5,0 m
- Bề rộng mương thoát nước	1,0m x 2 = 2,0m.
- Bề rộng nền đường	7,00 m.
- Độ dốc ngang mặt đường	2%
- Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng.
- Kết cấu mương thoát nước	cống hộp BTCT (Cống 60xH) .

d. Kết cấu mặt đường

Kết cấu mặt đường BTXM hiện hữu (đã xuống cấp)

** Km0+0.00 đến Km0+180 và Km0+360 đến Km0+459.40*

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 1,0Kg/m².

- Phá bỏ mặt đường BTXM hiện hữu, bù phụ cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 125 MPa,

Kết cấu mặt đường BTXM hiện hữu (đang còn tốt)

** Km0+180 đến Km0+360*

- Thảm bù bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày trung bình 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 0,5Kg/m².

Kết cấu mặt đường mở rộng và đào phui làm cống

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 0,5Kg/m².

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 125 MPa,

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=37.5mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 110 MPa,

- Đắp đất tận dụng từ đào đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 85 MPa,

e. Thiết kế hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba, ngã tư, các điểm giao nhau với đường ưu tiên, nơi trẻ em thường xuyên qua lại, các vị trí cơ quan, các vị trí cầu, các đường cong nguy hiểm … và sơn đường bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN " Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ- yêu cầu thiết kế".

f. thiết kế hệ thống thoát nước

Từ Km0+0.00 đến Km0+6,00 (trái tuyến) Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp BTCT (80xH)cm đậy đan BTCT chịu lực để dẫn nước cống 60xH (2 bên) đấu nối với cống D60cm hiện hữu của đường ĐT.746

Từ Km0+6,00 đến Km0+420 (2 bên) Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng cống hộp 60xH. Cách khoảng cách 20m bố trí 1 hố ga

Cống 60xH và cống 80xH được làm bằng bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150 dày 10cm. Tấm đan chịu lực và khuôn hầm được làm bằng bê tông đá 1x2 M250

Tấm đan được bố trí thép D12mm chịu lực và thép D10mm liên kết.

Tâm đan thép thu nước được mạ kẽm để chống gỉ sét và tăng tính thẩm mỹ

* ĐƯỜNG TÂN PHƯỚC KHÁNH 50.

a. Thiết kế bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và được mở rộng đều sang hai bên.

b. Thiết kế trắc dọc

Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo trắc dọc đường hiện hữu và địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh sống dọc tuyến, đồng thời tận dụng lại kết cấu mặt đường hiện hữu. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường.

c. Thiết kế trắc ngang

- Bề rộng mặt đường 4,0 m
- Bề rộng cống 60xH (giữa đường) 1,0 m.

- Bề rộng nền đường 4,00 m.
- Độ dốc ngang mặt đường 2% (hướng về tim)
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng.

d. Kết cấu mặt đường

Kết cấu mặt đường hiện hữu

** Km0+0.00 đến Km0+124.89*

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 0,5Kg/m².

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 125 MPa,

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=37.5mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 110 MPa,

- Đắp đất tận dụng từ đào đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 85 MPa,

Kết cấu mặt đường mở rộng và mở mới

** Km0+124,89 đến Km0+429,00*

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 0,5Kg/m².

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 125 MPa,

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=37.5mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 110 MPa,

- Vét hữu cơ chiều sâu vét 30cm (vét phẳng), Đắp đất C2 tận dụng từ đào đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 85 Mpa.

e. Gờ chặn *(Km0+0 đến Km0+124,89)*

- Gờ chặn làm bằng bê tông đá 1x2 M250 rộng 20cm, cao 30cm trên lớp bê tông lót đá 1x2 M150 rộng 20cm và cao 10cm. *(xem chi tiết bản vẽ)*

f. kè BTCT *(Km0+124,89 đến Km0+429)*

+ Kết cấu: Bằng BTCT đá 1x2 M200; Tường cao (1,0m) x rộng (0,2m); Móng rộng (0,4m) x dày (0,2m); Trên lớp bê tông lót đá 1x2 M150 dày 10cm.

+ Làm tầng lọc ngược bằng đá 1x2 với khoảng cách 3m/ 1 vị trí.

+ Làm bao tải tẩm nhựa đường với khoảng cách 11,8m/ 1 vị trí.

g. Thiết kế hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba, ngã tư, các điểm giao nhau với đường ưu tiên, nơi trẻ em thường xuyên qua lại, các vị trí cơ quan, các vị trí cầu, các đường cong nguy hiểm … và sơn đường bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN " Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ- yêu cầu thiết kế".

h. thiết kế hệ thống thoát nước

Từ Km0+0.00 đến Km0+429 (giữa tuyến) Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp BTCT (60xH)cm đậy đan BTCT chịu lực kích thước 100x80x15cm. Tấm đan được đặt trên mặt đường để thu nước mặt đường. Cách khoảng cách 20m bố trí 1 hố ga. Hố ga được đậy đan thép kích thước 100x80x10cm

Cống 60xH được làm bằng bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150 dày 10cm.

Tấm đan được bố trí thép D12mm chịu lực và thép D10mm liên kết.

Tâm đan thép thu nước được mạ kẽm để chống gỉ sét và tăng tính thẩm mỹ

* ĐƯỜNG TÂN PHƯỚC KHÁNH 54.

a. Thiết kế bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và được mở rộng đều sang hai bên.

b. Thiết kế trắc dọc

Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo trắc dọc đường hiện hữu và địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh sống dọc tuyến, đồng thời tận dụng lại kết cấu mặt đường hiện hữu. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường.

c. Thiết kế trắc ngang

- Bề rộng mặt đường	5,0 m
- Bề rộng mương thoát nước	1,0m x 2 = 2,0m.
- Bề rộng nền đường	7,00 m.
- Độ dốc ngang mặt đường	2%
- Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng.
- Kết cấu mương thoát nước	cống hộp BTCT (Cống 60xH) .

d. Kết cấu mặt đường

<u>Kết cấu mặt đường bê tông nhựa hiện hữu</u>

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 1,0Kg/m².

- Cày xới mặt đường bê tông nhựa hiện hữu, bù phụ cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 125 MPa,

<u>Kết cấu mặt đường mở rộng và mở mới</u>

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 0,5Kg/m².

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 125 MPa,

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=37.5mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 110 MPa,

- Đắp đất tận dụng từ đào đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 85 MPa,

e. Thiết kế hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba, ngã tư, các điểm giao nhau với đường ưu tiên, nơi trẻ em thường xuyên qua lại, các vị trí cơ quan, các vị trí cầu, các đường cong nguy hiểm … và sơn đường bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN " Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ- yêu cầu thiết kế".

f. thiết kế hệ thống thoát nước

Từ Km0+0.00 đến Km0+767,3 (2 bên) Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp BTCT (60xH)cm đậy đan BTCT chịu lực kích thước 100x80x15cm. Tấm đan được đặt trên mặt đường để thu nước mặt đường. Cách khoảng cách 20m bố trí 1 hố ga. Hố ga được đậy đan thép kích thước 100x80x10cm

Cống 60xH được làm bằng bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150 dày 10cm.

Tấm đan được bố trí thép D12mm chịu lực và thép D10mm liên kết.

Tâm đan thép thu nước được mạ kẽm để chống gỉ sét và tăng tính thẩm mỹ

Tại Km0+170 làm cống ngang 60xH để dẫn nước từ trái tuyến qua phải tuyến và chảy vào cống D80cm-H30 của tuyến nhánh. Hố ga cống D80cm có kích thước 140x140cm. Được đậy đan thép kích thước 120x120x10cm để thu nước mặt đường.

Cống D80cm của tuyến nhánh được đấu với cống D120cm hiện hữu chảy ra suối cái tại Km0+281.

* ĐƯỜNG NHÁNH GIÁP NHÀ ÔNG PHẠM VĂN TRỐNG ĐẾN ĐƯỜNG TÂN PHƯỚC KHÁNH 07

a. Thiết kế bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và được mở rộng đều sang hai bên.

b. Thiết kế trắc dọc

Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo trắc dọc đường hiện hữu và địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh sống dọc tuyến, đồng thời tận dụng lại kết cấu mặt đường hiện hữu. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường.

c. Thiết kế trắc ngang

- Bề rộng mặt đường 4,0 m
- Bề rộng cống 60xH (giữa đường) 1,0 m.
- Bề rộng nền đường 4,00 m.
- Độ dốc ngang mặt đường 2% (hướng về tim)
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng.

d. Kết cấu mặt đường

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 0,5Kg/m².

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 125 MPa,

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=37.5mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 110 MPa,

g. Thiết kế hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba, ngã tư, các điểm giao nhau với đường ưu tiên, nơi trẻ em thường xuyên qua lại, các vị trí cơ quan, các vị trí cầu, các đường cong nguy hiểm … và sơn đường bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN " Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ- yêu cầu thiết kế".

h. thiết kế hệ thống thoát nước

Từ Km0+0.00 đến Km0+197 (giữa tuyến) Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp BTCT (60xH)cm đậy đan BTCT chịu lực kích thước 100x80x15cm. Tấm đan được đặt trên mặt đường để thu nước mặt đường. Cách khoảng cách 20m bố trí 1 hố ga. Hố ga được đậy đan thép kích thước 100x80x10cm

Cống 60xH được làm bằng bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150 dày 10cm.

Tấm đan được bố trí thép D12mm chịu lực và thép D10mm liên kết.

Tâm đan thép thu nước được mạ kẽm để chống gỉ sét và tăng tính thẩm mỹ

* ĐƯỜNG TÂN PHƯỚC KHÁNH 16

a. Thiết kế bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và mở rộng sang hai bên.

b. Thiết kế trắc dọc

Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo trắc dọc đường hiện hữu và địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh

sống dọc tuyến, đồng thời tận dụng lại kết cấu mặt đường hiện hữu. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường.

c. Thiết kế trắc ngang

+ Tuyến chính:

** Km0+0.00 đến Km0+637,10*

- Bề rộng mặt đường 2,50 ~ 4,60 m
- Bề rộng mương thoát nước 1,00 m
- Bề rộng nền đường 2,50 ~ 4,60 m
- Độ dốc ngang mặt đường 2%
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng
- Kết cấu mương thoát nước cống hộp BTCT (Cống 60xH) giữa đường

** Km0+637,10 đến Km0+813.*

- Bề rộng mặt đường 3,80 ~ 5,00 m
- Bề rộng rộng mương thoát nước 1,00 m
- Bề rộng nền đường 3,80 ~ 5,00 m
- Độ dốc ngang mặt đường 2%
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng
- Kết cấu mương thoát nước cống hộp BTCT (Cống 60xH) giữa đường

+ Tuyến nhánh:

** Km0+0.00 đến Km0+133*

- Bề rộng mặt đường 4,20 ~ 5,00 m
- Bề rộng mương thoát nước 1,00 m
- Bề rộng nền đường 4,20 ~ 5,00 m
- Độ dốc ngang mặt đường 2%
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng
- Kết cấu mương thoát nước cống hộp BTCT (Cống 60xH) giữa đường

d. Kết cấu mặt đường

Kết cấu mặt đường hiện hữu

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 1Kg/m².
- Phá bỏ mặt đường BTXM hiện hữu đã xuống cấp, bù phụ cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) đến cao độ thiết kế, lu lèn K ≥ 0,98;

Kết cấu mặt đường mở rộng và đào phui làm cống

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 1Kg/m².
- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) dày 12cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 125 MPa,
- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=37.5mm) dày 13cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 110 MPa,

- Đắp cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=37.5mm) từ đào đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 85 Mpa.

f. Thiết kế hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba, ngã tư, các điểm giao nhau với đường ưu tiên, nơi trẻ em thường xuyên qua lại, các vị trí cơ quan, các vị trí cầu, các đường cong nguy hiểm … và sơn đường bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN " Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ- yêu cầu thiết kế".

g. Thiết kế hệ thống thoát nước

Từ Km0+0.00 đến Km0+813 tuyến chính (giữa đường) Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp BTCT (60xH)cm đậy đan BTCT chịu lực để các phương tiện thô sơ có thể qua lại. Cách khoảng 20m bố trí 1 hố lắng được đậy đan thép để thu nước mặt đường.

Từ Km0+0.00 đến Km0+133 tuyến nhánh (giữa đường) Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp BTCT (60xH)cm đậy đan BTCT chịu lực để các phương tiện thô sơ có thể qua lại. Cách khoảng 20m bố trí 1 hố lắng được đậy đan thép để thu nước mặt đường.

Mương 60xH được làm bằng bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150 dày 10cm. Tấm đan chịu lực và khuôn mương được làm bằng bê tông đá 1x2 M250

Tấm đan được bố trí thép D12mm chịu lực và thép D10mm liên kết.

Tâm đan thép thu nước được mạ kẽm để chống gỉ sét và tăng tính thẩm mỹ

* ĐƯỜNG TÂN PHƯỚC KHÁNH 39

a. Thiết kế bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và được mở rộng đều sang hai bên.

b. Thiết kế trắc dọc

Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo trắc dọc đường hiện hữu và địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh sống dọc tuyến, đồng thời tận dụng lại kết cấu mặt đường hiện hữu. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường.

c. Thiết kế trắc ngang

- Bề rộng mặt đường	7,00 m
- Bề rộng mương thoát nước	1,20 m
- Bề rộng nền đường	7,00 m
- Độ dốc ngang mặt đường	2%
- Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng

- Kết cấu mương thoát nước mương hộp BTCT (Mương 80xH)

d. Kết cấu mặt đường

Kết cấu mặt đường hiện hữu

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K > 0,98; Eyc > 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 1Kg/m².

- Bù phụ bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) đến cao độ thiết kế, lu lèn K > 0,98; trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 1 Kg/m².

Kết cấu mặt đường mở rộng

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 1Kg/m².

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) dày 20cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 110 MPa,

f. Thiết kế hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba, ngã tư, các điểm giao nhau với đường ưu tiên, nơi trẻ em thường xuyên qua lại, các vị trí cơ quan, các vị trí cầu, các đường cong nguy hiểm … và sơn đường bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN " Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ- yêu cầu thiết kế".

g. Thiết kế hệ thống thoát nước

Từ Km0+0.00 đến Km0+400,00 (phải tuyến) Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp BTCT (80xH)cm để dẫn nước từ thượng lưu về đấu nối với hố ga xây mới tại Km0+257,47.

Mương 80xH được làm bằng bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150 dày 10cm. Tấm đan chịu lực và khuôn cống được làm bằng bê tông đá 1x2 M250.

Toàn bộ đan thép được mạ kẽm để chống gỉ sét và tăng tính thẩm mỹ.

Toàn bộ đan bê tông cốt thép được bố trí thép chịu lực D12mm, và thép đai D10mm.

* ĐƯỜNG TÂN PHƯỚC KHÁNH 41.

a. Thiết kế bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và được mở rộng đều sang hai bên.

b. Thiết kế trắc dọc

Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo trắc dọc đường hiện hữu và địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh

sống dọc tuyến, đồng thời tận dụng lại kết cấu mặt đường hiện hữu. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường.

c. Thiết kế trắc ngang

- Bề rộng mặt đường 4,0 m
- Bề rộng cống 60xH hiện hữu giữa tuyến 1m.
- Bề rộng gờ chặn hiện hữu 0,2m x 2 bên.
- Bề rộng nền đường 4,40 m.
- Độ dốc ngang mặt đường 2% (hướng vào tim)
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng.

d. Kết cấu mặt đường

Kết cấu mặt đường hiện hữu (phần bù bê tông nhựa)

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K $\geq$ 0,98; Eyc $\geq$ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 0,5Kg/m².

- Bù phụ bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) đến cao độ thiết kế, lu lèn K $\geq$ 0,98; trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 0.8 Kg/m².

e. Thiết kế hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba, ngã tư, các điểm giao nhau với đường ưu tiên, nơi trẻ em thường xuyên qua lại, các vị trí cơ quan, các vị trí cầu, các đường cong nguy hiểm … và sơn đường bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN " Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ- yêu cầu thiết kế".

f. thiết kế hệ thống thoát nước

Nâng tường hố ga và cống ngang hiện hữu cao trung bình 15cm. Khoan tạo lỗ để cấy thép D12mm khoảng cách 25cm/ lỗ. đoạn nâng tường hố ga được đổ bằng bê tông đá 1x2 M200.

Thay mới khuôn hầm và đan thép hố ga hiện hữu kích thước 100x80x10cm. Tại những vị trí cống ngang hiện hữu, thay mới đan thép kích thước 150x80x10cm

Tâm đan thép thu nước được mạ kẽm để chống gỉ sét và tăng tính thẩm mỹ

* ĐƯỜNG TÂN PHƯỚC KHÁNH 43.

a. Thiết kế bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và được mở rộng đều sang hai bên.

b. Thiết kế trắc dọc

Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo trắc dọc đường hiện hữu và địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh

sống dọc tuyến, đồng thời tận dụng lại kết cấu mặt đường hiện hữu. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường.

c. Thiết kế trắc ngang

- Bề rộng mặt đường 5,0 m
- Bề rộng mương thoát nước 1,0m x 2 = 2,0m.
- Bề rộng nền đường 7,00 m.
- Độ dốc ngang mặt đường 2%
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng.
- Kết cấu mương thoát nước cống hộp BTCT (Cống 60xH) .

d. Kết cấu mặt đường

Kết cấu mặt đường BTXM hiện hữu (đã xuống cấp)

** Km0+0.00 đến Km0+180 và Km0+360 đến Km0+459.40*

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 1,0Kg/m².

- Phá bỏ mặt đường BTXM hiện hữu, bù phụ cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 125 MPa,

Kết cấu mặt đường BTXM hiện hữu (đang còn tốt)

** Km0+180 đến Km0+360*

- Thảm bù bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày trung bình 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 0,5Kg/m².

Kết cấu mặt đường mở rộng và đào phui làm cống

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 0,5Kg/m².

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 125 MPa,

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=37.5mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 110 MPa,

- Đắp đất tận dụng từ đào đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 85 MPa,

e. Thiết kế hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba, ngã tư, các điểm giao nhau với đường ưu tiên, nơi trẻ em thường xuyên qua lại, các vị trí cơ quan, các vị trí cầu, các đường cong nguy hiểm … và sơn đường bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN " Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ- yêu cầu thiết kế".

f. thiết kế hệ thống thoát nước

Từ Km0+0.00 đến Km0+6,00 (trái tuyến) Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp BTCT (80xH)cm đậy đan BTCT chịu lực để dẫn nước cống 60xH (2 bên) đấu nối với cống D60cm hiện hữu của đường ĐT.746

Từ Km0+6,00 đến Km0+420 (2 bên) Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng cống hộp 60xH. Cách khoảng cách 20m bố trí 1 hố ga

Cống 60xH và cống 80xH được làm bằng bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150 dày 10cm. Tấm đan chịu lực và khuôn hầm được làm bằng bê tông đá 1x2 M250

Tấm đan được bố trí thép D12mm chịu lực và thép D10mm liên kết.

Tâm đan thép thu nước được mạ kẽm để chống gỉ sét và tăng tính thẩm mỹ

* ĐƯỜNG TÂN PHƯỚC KHÁNH 50.

a. Thiết kế bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và được mở rộng đều sang hai bên.

b. Thiết kế trắc dọc

Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo trắc dọc đường hiện hữu và địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh sống dọc tuyến, đồng thời tận dụng lại kết cấu mặt đường hiện hữu. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường.

c. Thiết kế trắc ngang

- Bề rộng mặt đường	4,0 m
- Bề rộng cống 60xH (giữa đường)	1,0 m.
- Bề rộng nền đường	4,00 m.
- Độ dốc ngang mặt đường	2% (hướng về tim)
- Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng.

d. Kết cấu mặt đường

Kết cấu mặt đường hiện hữu

** Km0+0.00 đến Km0+124.89*

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 0,5Kg/m².

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 125 MPa,

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=37.5mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 110 MPa,

- Đắp đất tận dụng từ đào đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 85 MPa,

Kết cấu mặt đường mở rộng và mở mới

** Km0+124,89 đến Km0+429,00*

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 0,5Kg/m².

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 125 MPa,

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=37.5mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 110 MPa,

- Vét hữu cơ chiều sâu vét 30cm (vét phẳng), Đắp đất C2 tận dụng từ đào đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 85 Mpa.

e. Gờ chặn *(Km0+0 đến Km0+124,89)*

- Gờ chặn làm bằng bê tông đá 1x2 M250 rộng 20cm, cao 30cm trên lớp bê tông lót đá 1x2 M150 rộng 20cm và cao 10cm. *(xem chi tiết bản vẽ)*

f. kè BTCT *(Km0+124,89 đến Km0+429)*

+ Kết cấu: Bằng BTCT đá 1x2 M200; Tường cao (1,0m) x rộng (0,2m); Móng rộng (0,4m) x dày (0,2m); Trên lớp bê tông lót đá 1x2 M150 dày 10cm.

+ Làm tầng lọc ngược bằng đá 1x2 với khoảng cách 3m/ 1 vị trí.

+ Làm bao tải tẩm nhựa đường với khoảng cách 11,8m/ 1 vị trí.

g. Thiết kế hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba, ngã tư, các điểm giao nhau với đường ưu tiên, nơi trẻ em thường xuyên qua lại, các vị trí cơ quan, các vị trí cầu, các đường cong nguy hiểm … và sơn đường bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN " Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ- yêu cầu thiết kế".

h. thiết kế hệ thống thoát nước

Từ Km0+0.00 đến Km0+429 (giữa tuyến) Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp BTCT (60xH)cm đậy đan BTCT chịu lực kích thước 100x80x15cm. Tấm đan được đặt trên mặt đường để thu nước mặt đường. Cách khoảng cách 20m bố trí 1 hố ga. Hố ga được đậy đan thép kích thước 100x80x10cm

Cống 60xH được làm bằng bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150 dày 10cm.

Tấm đan được bố trí thép D12mm chịu lực và thép D10mm liên kết.

Tâm đan thép thu nước được mạ kẽm để chống gỉ sét và tăng tính thẩm mỹ

* ĐƯỜNG TÂN PHƯỚC KHÁNH 54.

a. Thiết kế bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và được mở rộng đều sang hai bên.

b. Thiết kế trắc dọc

Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo trắc dọc đường hiện hữu và địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh sống dọc tuyến, đồng thời tận dụng lại kết cấu mặt đường hiện hữu. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường.

c. Thiết kế trắc ngang

- Bề rộng mặt đường 5,0 m
- Bề rộng mương thoát nước 1,0m x 2 = 2,0m.
- Bề rộng nền đường 7,00 m.
- Độ dốc ngang mặt đường 2%
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng.
- Kết cấu mương thoát nước cống hộp BTCT (Cống 60xH) .

d. Kết cấu mặt đường

Kết cấu mặt đường bê tông nhựa hiện hữu

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 1,0Kg/m².
- Cày xới mặt đường bê tông nhựa hiện hữu, bù phụ cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 125 MPa,

Kết cấu mặt đường mở rộng và mở mới

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 0,5Kg/m².
- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 125 MPa,
- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=37.5mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 110 MPa,
- Đắp đất tận dụng từ đào đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 85 MPa,

e. Thiết kế hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba, ngã tư, các điểm giao nhau với đường ưu tiên, nơi trẻ em thường xuyên qua lại, các vị trí cơ quan, các vị trí cầu, các đường cong nguy hiểm … và sơn đường bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN " Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ- yêu cầu thiết kế".

f. thiết kế hệ thống thoát nước

Từ Km0+0.00 đến Km0+767,3 (2 bên) Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp BTCT (60xH)cm đậy đan BTCT chịu lực kích thước 100x80x15cm. Tấm đan được đặt trên mặt đường để thu nước mặt đường. Cách

khoảng cách 20m bố trí 1 hố ga. Hố ga được đậy đan thép kích thước 100x80x10cm

Cống 60xH được làm bằng bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150 dày 10cm.

Tấm đan được bố trí thép D12mm chịu lực và thép D10mm liên kết.

Tâm đan thép thu nước được mạ kẽm để chống gỉ sét và tăng tính thẩm mỹ

Tại Km0+170 làm cống ngang 60xH để dẫn nước từ trái tuyến qua phải tuyến và chảy vào cống D80cm-H30 của tuyến nhánh. Hố ga cống D80cm có kích thước 140x140cm. Được đậy đan thép kích thước 120x120x10cm để thu nước mặt đường.

Cống D80cm của tuyến nhánh được đấu với cống D120cm hiện hữu chảy ra suối cái tại Km0+281.

* ĐƯỜNG NHÁNH GIÁP NHÀ ÔNG PHẠM VĂN TRỐNG ĐẾN ĐƯỜNG TÂN PHƯỚC KHÁNH 07

a. Thiết kế bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và được mở rộng đều sang hai bên.

b. Thiết kế trắc dọc

Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo trắc dọc đường hiện hữu và địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh sống dọc tuyến, đồng thời tận dụng lại kết cấu mặt đường hiện hữu. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường.

c. Thiết kế trắc ngang

- Bề rộng mặt đường 4,0 m
- Bề rộng cống 60xH (giữa đường) 1,0 m.
- Bề rộng nền đường 4,00 m.
- Độ dốc ngang mặt đường 2% (hướng về tim)
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng.

d. Kết cấu mặt đường

- Rải thảm bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12.5) dày 7cm, lu lèn K ≥ 0,98; Eyc ≥ 135 MPa, trên lớp nhũ tương gốc a xít tiêu chuẩn 0,5Kg/m².

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=25mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 125 MPa,

- Trải đá cấp phối đá dăm 0x4 (Dmax=37.5mm) dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; Eyc ≥ 110 MPa,

g. Thiết kế hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba, ngã tư, các điểm giao nhau với đường ưu tiên, nơi trẻ em thường xuyên qua lại, các vị trí cơ quan, các vị trí cầu, các

đường cong nguy hiểm … và sơn đường bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN " Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ- yêu cầu thiết kế".

h. thiết kế hệ thống thoát nước

Từ Km0+0.00 đến Km0+197 (giữa tuyến) Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp BTCT (60xH)cm đậy đan BTCT chịu lực kích thước 100x80x15cm. Tấm đan được đặt trên mặt đường để thu nước mặt đường. Cách khoảng cách 20m bố trí 1 hố ga. Hố ga được đậy đan thép kích thước 100x80x10cm

Cống 60xH được làm bằng bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150 dày 10cm.

Tấm đan được bố trí thép D12mm chịu lực và thép D10mm liên kết.

Tâm đan thép thu nước được mạ kẽm để chống gỉ sét và tăng tính thẩm mỹ

10. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

11.1. Số bước thiết kế: 02 bước

11.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

a) Tiêu chuẩn áp dụng cho khảo sát thiết kế

- QCVN 07:2023: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- TCVN 13592:2022: Đường đô thị - yêu cầu thiết kế.
- Đường ô tô, tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4054 : 2005.
- Duy tu sửa chữa đường áp dụng theo Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07: 2013/TCĐBVN.
- Áo đường mềm – Yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế: TCCS 38:2022/TCĐBVN.
- Đường ô tô – tiêu chuẩn khảo sát: TCCS - 31:2020/TCĐBVN
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2012.
- Móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ôtô – vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8859 - 2023.
- TCCS 05:2012/TCĐBVN : Cầu và cống: Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.
- TCVN 7957-2023: Thoát nước – mạng lưới và công trình bên ngoài – tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9436-2012: Nền đường ô tô – thi công và nghiệm thu.
- TCVN 4447:2012 – Công tác đất – Thi công và nghiệm thu;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5574:2018: Thiết kế bê tông và bê tông cốt thép.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019/BGTVT.

- TCCS 34:2020/TCĐBVN gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ - yêu cầu thiết kế.

b) Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho thi công và nghiệm thu.

TT	Tên quy trình	Mã hiệu
1	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – thi công và nghiệm thu - phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 13567-1:2022
2	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 40:2022/TCĐBVN
3	Quy trình kỹ thuật thi công và nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô	TCVN 8859:2023
4	Quy trình kỹ thuật thi công và nghiệm thu các lớp kết cấu áo đường bằng cấp phối thiên nhiên	TCVN 8857:2011
5	Công tác đất – Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4447 : 2012
6	Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
7	Quy trình thi công và nghiệm thu kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 9115 : 2012
8	Bê tông – yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN8828-2011
9	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm	TCVN9345-2012
10	Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377-2012
11	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng.	QCVN 18:2021/BXD
12	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41: 2019/BGTVT
13	Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ - yêu cầu thiết kế.	TCCS 34:2020/TCĐBVN

12. Giá trị tổng mức đầu tư: 45.995.540.422 đồng. *(Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng).*

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư 648.000.000 đồng
- Chi phí xây dựng: 36.844.964.212 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 872.979.726 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 2.702.075.968 đồng
- Chi phí khác: 676.589.622 đồng
- Chi phí dự phòng: 4.250.930.894 đồng

13. Tiến độ thực hiện dự án:

+ Chuẩn bị đầu tư: Năm 2026

+ Thực hiện dự án: Năm 2026 – 2028

14. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho phường.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án.

16. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

Dự án không yêu cầu về giải phòng mặt bằng, chỉ thực hiện Nâng cấp BTNN và HTTN các tuyến đường hiện hữu do phường quản lý.

Điều 2. Sau khi Dự án Nâng cấp BTNN các tuyến đường Tân Phước Khánh 16, 39, 41, 43, 50, 54 và đoạn đường nhánh giáp nhà ông Phạm Văn Trỗng đến đường Tân Phước Khánh 07, phường Tân Khánh được phê duyệt, Tổ Quản lý Công trình phường có trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Tổ trưởng tổ quản lý công trình và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- CT và các PCT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Trí.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG TÂN KHÁNH T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hữu Phương